

Số: 22/2021/QĐST-DS

Long Biên, ngày 19 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09/7/2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 50/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Trụ sở: Số T, phường L, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Bá M - Giám đốc chi nhánh Chương Dương.

Người được ủy quyền lại : Bà Nguyễn Hồng H - Phó trưởng phòng khách hàng bán lẻ.

Bi đơn: Công ty TNHH T

Trụ sở: Số A đường T, quận Long Biên, TP. Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Q – Giám đốc

**Người có
quyền lợi
nghĩa vụ liên
quan**

1. Bà Trịnh Thị V, SN 1959
2. Bà Bùi Thị D, SN 1932
3. Ông Hoàng Minh S, SN 1951
4. Anh Hoàng Nam T, SN 1982
5. Anh Hoàng Đức L, SN 1984
6. Chị Nguyễn Minh H, SN 1985
7. Chị Dương Thị Ánh T, SN 1988

Cùng trú tại: G Hẻm U Đường H, Phường N, quận Ba Đình, Hà Nội.

Bà Bùi Thị D, ông Hoàng Minh S, anh Hoàng Nam T, anh Hoàng Đức L, chị Nguyễn Minh H, chị Dương Thị Ánh T ủy quyền cho bà Trịnh Thị V theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 26/5/2021 tại Văn phòng công chứng Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH T công nhận còn nợ Ngân hàng TMCP N tổng số tiền là 5.688.172.199 đồng trong đó bao gồm nợ gốc 4.027.453.996 đồng ; lãi trong hạn 1.273.373.720 đồng; lãi quá hạn 387.344.483 đồng. (Số liệu tính đến hết ngày 07/7/2021) phát sinh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/17/HM/VCD.CD-TDG ký ngày 20 tháng 10 năm 2017 và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/2017/TH/VCB.CD-TDG ký ngày 30 tháng 10 năm 2017.

2.2. Công ty TNHH T cam kết thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền 5.688.172.199 đồng theo kế hoạch như sau:

Lần 1: Hạn cuối cùng ngày 30/7/2021 thanh toán 200.000.000 đồng

Lần 2: Hạn cuối cùng ngày 30/8/2021 thanh toán 500.000.000 đồng

Lần 3: Hạn cuối cùng ngày 30/9/2021 thanh toán 500.000.000 đồng

Lần 4: Hạn cuối cùng ngày 30/10/2021 thanh toán 1.400.000.000 đồng

Lần 5: Hạn cuối cùng ngày 30/11/2021 thanh toán 1.327.453.996 đồng

Lần 6: Hạn cuối cùng ngày 30/12/2021 thanh toán 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh 1.660.718.203 đồng.

2.3. Đối với khoản tiền lãi của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/17/HM/VCD.CD-TDG ký ngày 20 tháng 10 năm 2017 và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/2017/TH/VCB.CD-TDG ký ngày 30 tháng 10 năm 2017, Ngân hàng TMCP N sẽ tiến hành xem xét miễn giảm lãi theo quy định của pháp luật và quy chế của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam.

2.4. Kể từ ngày 08/7/2021 Công ty TNHH T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc 4.027.453.996 đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.5. Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại mục 2. 2 nói trên thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hoặc áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật) để thu hồi khoản nợ gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất số 07, tờ bản đồ số 54, tại địa chỉ: 70A tổ 37 cụm 6, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (nay là 17 Hẻm 189/81/13 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, Hà Nội) theo giấy chứng nhận số BN 469167 số vào sổ cấp GCN: CH001440 do UBND quận Ba Đình, Hà Nội cấp ngày 05/8/2013 cho bà Trịnh Thị Vân. Số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản nói trên không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH T theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bị đơn là Công ty TNHH T chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.844.086 đồng. Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 56.800.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0016589 ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này, có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

THẨM PHÁN

- Nơi nhận:
- VKS ND quận Long Biên.
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội
- Những người tham gia tố tụng
- Chi cục THA dân sự quận Long Biên
- Lưu.

Nguyễn Thị Trâm Anh